

Số: 3058 /BC-VP

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2024

Thực hiện Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Văn phòng UBND tỉnh (Văn phòng) báo cáo việc thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2024, như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Văn phòng đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kịp thời, đầy đủ các kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2024, trong đó, tập trung đến công việc đẩy mạnh cải cách TTHC, như: Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/02/2024 kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 07/02/2024 về truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn quy phạm pháp luật; các văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, như: Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh; phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2023 của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố (Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh); triển khai phương án phân cấp giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg (Công văn số 87/UBND-TTHC ngày 04/01/2024); thực hiện kết nối, tích hợp SSO và làm sạch tài khoản trên Cổng Dịch vụ công (Công văn số 383/UBND-TTHC ngày 22/01/2024); khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 06 (Công văn số 469/UBND-TTHC ngày 25/01/2024); đánh giá tác động chính sách, thủ tục hành chính trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Công văn số 693/UBND-TTHC ngày 05/02/2024); Tổ chức triển khai Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và Nghị định số 70/2024/NĐ-CP của Chính phủ (Công văn số 3765/UBND-TTHC ngày 16/7/2024); về việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong xây dựng văn bản QPPL (Công văn số 3809/UBND-TTHC ngày 17/7/2024); triển khai thực hiện TTHC theo quy định của Luật Đất đai năm

2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024 (*Công văn số 4123/UBND-TTHC ngày 02/8/2024*); Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 14/11/2024; Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024....

2. Công tác chỉ đạo, điều hành của Văn phòng UBND tỉnh

Để triển khai thực hiện công tác CCHC, công tác kiểm soát TTHC năm 2024 theo các kế hoạch, quyết định của tỉnh và cơ quan, Văn phòng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại cơ quan, như: Kế hoạch số 2697/KH-VP ngày 27/12/2023 về kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; Chương trình công tác năm 2024 để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính (*Quyết định số 21/QĐ-VP ngày 24/01/2024*); Kế hoạch số 287/KH-VP ngày 16/02/2024 về công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 tại Văn phòng UBND tỉnh; Kế hoạch số 423/KH-VP ngày 08/3/2024 về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch kiểm soát xung đột lợi ích của Văn phòng UBND tỉnh (*Kế hoạch số 1869/KH-VP ngày 15/8/2024*); thay đổi công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng UBND tỉnh (*Quyết định số 158/QĐ-VP ngày 28/8/2024*)....

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Ban hành Kế hoạch số 233/KH-VP ngày 02/02/2024 về tuyên truyền CHHC năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh và triển khai thực hiện.

II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

1. Cải cách thể chế

a) Văn phòng đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh ban hành 67 văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2024 và từng quý để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2023 (*Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 24/01/2024*).

b) Trình UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh và Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh (*Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 04/7/2024*).

c) Ban hành: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (*Kế hoạch số 227/KH-VP ngày 01/02/2024*); Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

năm 2024 (*Kế hoạch số 228/KH-VP ngày 01/02/2024*) và thực hiện rà soát văn bản QPPL theo kế hoạch đề ra.

d) Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quan trọng do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong lĩnh vực kiểm soát TTHC; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*đã nêu cụ thể tại khoản 1, 2 Mục I Báo cáo này*).

2. Kết quả thực hiện cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

Trong năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 91 Quyết định công bố Danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp chính quyền; trong đó, có 289 TTHC mới ban hành, 362 TTHC sửa đổi, bổ sung, 21 TTHC thay thế và 157 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

b) Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp

- Cấp tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh): Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của 18 sở, ngành và Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố; phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Trung tâm tiếp tục có sự chuyển biến tích cực; hồ sơ giải quyết đảm bảo về tiến độ theo quy định; hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt tỷ lệ cao, tăng cao hơn so với năm 2023.

- Cấp huyện, cấp xã: Qua theo dõi, thống kê trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tình hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện tốt; tỷ lệ hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn đạt tỷ lệ tương đối cao, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và thanh toán trực tuyến tiếp tục tăng cao

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ số hóa TTHC

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Công văn số 5864/UBND-TTHC ngày 21/11/2023 liên quan đến số hóa hồ sơ, giấy tờ trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính (*Công văn số 751/UBND-TTHC ngày 07/02/2024*), một số kết quả đạt được:

- Tỷ lệ số số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong năm 2024 được đẩy mạnh và tăng so với cùng kỳ năm 2023, riêng cấp huyện, xã tăng gần gấp 02 lần; Cấp tỉnh: Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt **99,9%**, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết đạt **99,8%**; cấp huyện đạt **99,5%** và **94,5%**; cấp xã đạt **99,8%** và **98,6%**.

- Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết TTHC theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần đạt **24,76%** (*đến thời điểm hiện tại, khai thác 137.645 hồ sơ*), chủ yếu khai thác, tái sử dụng thành phần hồ sơ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

d) Tình hình, kết quả giải quyết TTHC:

- Tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh (*Trung tâm*): Số lượng hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm ước đạt khoảng **160.674** hồ sơ, đã giải quyết **157.474** hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng **156.709** hồ sơ, trễ hạn khoảng **765** hồ sơ; đang giải quyết khoảng **3.200** hồ sơ, trong đó:

+ Các sở, ngành tiếp nhận khoảng **125.547** hồ sơ, đã giải quyết khoảng **123.747** hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng **123.683** hồ sơ, chiếm tỷ lệ khoảng **99,95%**, khoảng **64** hồ sơ trễ hạn; đang giải quyết khoảng **1.800** hồ sơ.

+ Hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố: Tiếp nhận khoảng **35.127** hồ sơ; kết quả đã giải quyết khoảng **33.727** hồ sơ, trong đó hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng **33.026** hồ sơ, chiếm tỷ lệ khoảng **97,9%**, trễ hạn khoảng **701** hồ sơ; đang giải quyết khoảng **1.400** hồ sơ.

+ Thực hiện nghiêm túc thông báo tình trạng hồ sơ giải quyết TTHC được tiếp nhận, xử lý, công khai văn bản xin lỗi, hẹn lại ngày trả kết quả đối với các hồ sơ xử lý bị trễ hạn, nhận kết quả giải quyết trước hạn; hệ thống tổng đài của Trung tâm đã thông báo khoảng **163.000** tin nhắn SMS đến người dân, doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp đi lại nhiều lần; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số khoảng **55.000** hồ sơ.

- Tại Bộ phận Một cửa của 13/13 huyện, thị xã, thành phố: tiếp nhận khoảng **30.130** hồ sơ; đã giải quyết khoảng **29.781** hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn khoảng **29.632** hồ sơ, chiếm tỷ lệ **99,5%**, trễ hạn khoảng **149** hồ sơ; đang giải quyết khoảng **349** hồ sơ.

- Tại Bộ phận Một cửa cấp xã: tiếp nhận khoảng **301.990** hồ sơ, đã giải quyết khoảng **301.390** hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn khoảng **298.921** hồ sơ, chiếm tỷ lệ **99,2%**, trễ hạn khoảng **2.469** hồ sơ; đang giải quyết khoảng **600** hồ sơ.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích: Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 ưu tiên thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết, trả kết quả sớm hơn tối thiểu 20% so với thời hạn giải quyết theo quy định đối với những hồ sơ nộp trực tuyến; thực hiện giảm 50% phí, lệ phí đối với các trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; qua đó góp phần tăng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến tại Bộ phận một cửa các cấp so với cùng kỳ năm 2023, đặc biệt Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã tăng vượt bậc gần 02 lần so với cùng kỳ năm 2023: Cấp tỉnh đạt **80%**, cấp huyện đạt **70%**, cấp xã đạt **97%**.

+ 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến, tỉnh đã cung cấp **1.380/1.780** dịch vụ công trực tuyến (*chiếm 77,5%*), trong đó, dịch vụ công trực tuyến toàn trình có

734/1.780 TTHC (chiếm 41,2%) và dịch vụ công trực tuyến một phần có **646/1.780 TTHC (chiếm 36,3%)**.

+ Số lượng hồ sơ phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến năm 2024 tăng gần gấp 03 lần so với cùng kỳ năm 2023: Toàn tỉnh đã thanh toán ước đạt khoảng **87 tỷ đồng**, với khoảng **250.000** giao dịch (*riêng tại Trung tâm thanh toán khoảng 56 tỷ đồng*); trên Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tỉnh Quảng Ngãi có tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt **70,18%**.

+ Có khoảng **35.000** hồ sơ được nộp và trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân; giúp tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân.

đ) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Năm 2024, Văn phòng tiếp nhận 300 phản ánh kiến nghị về TTHC, trong đó: 24 phản ánh, kiến nghị của công dân qua đơn thư; 250 phản ánh được tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ thuộc Cổng Dịch vụ công Quốc gia, 26 phản ánh kiến nghị qua đường dây nóng và tại trụ sở. Các phản ánh của công dân đều đã được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

e) Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm: Chất lượng, thái độ phục vụ của công chức, viên chức tiếp tục nâng cao; đã có khoảng **42.000** lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá mức độ rất hài lòng và hài lòng chiếm tỷ lệ **99,99%**; đánh giá mức độ chưa hài lòng tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh có **01** lượt.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Công tác tổ chức bộ máy:

- Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành, phê duyệt: Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh (Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 04/7/2024); Đề án vị trí việc làm của Văn phòng (Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/3/2024); Đề án vị trí việc làm chức của Trung tâm Công báo và Tin học thuộc Văn phòng (Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 29/3/2024).

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công báo và Tin học thuộc Văn phòng (Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 16/10/2024).

- Thực hiện phân công nhiệm vụ lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh (Quyết định số 19/QĐ-VP ngày 22/01/2024 và Quyết định số 149/QĐ-VP ngày 12/8/2024).

b) Biên chế

- Năm 2024, Văn phòng UBND tỉnh được giao 62 biên chế công chức và

16 người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập; đến nay thực hiện 61 biên chế công chức, 15 biên chế sự nghiệp.

- Thực hiện phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức và người lao động (*Quyết định số 26/QĐ-VP ngày 29/01/2024*); phân bổ số lượng người làm việc cho Trung tâm Công báo và Tin học (*Quyết định số 25/QĐ-VP ngày 29/01/2024*).

4. Cải cách chế độ công vụ, công chức

a) Về công tác cán bộ, công chức

- Hoàn thành việc nhận xét, đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động Văn phòng UBND tỉnh năm 2023 và năm 2024.

- Thực hiện hoàn thành quy trình đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm 01 Phó Chánh Văn phòng từ nguồn nhân sự tại chỗ; điều động, bổ nhiệm 03 Trưởng phòng và 03 Phó Trưởng phòng.

- Thực hiện tiếp nhận 03 công chức, tuyển dụng 01 viên chức về làm việc tại Văn phòng.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Ban hành Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2024 (*Kế hoạch số 397/KH-VP ngày 06/3/2024*) và đã cử 01 viên chức đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; 02 công chức đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính; 04 công chức, viên chức đi học lớp Trung cấp Lý luận chính trị; 01 viên chức đi học lớp bồi dưỡng về công tác CCHC; 05 công chức, viên chức đi học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu

c) Về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nêu cao tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đảng viên, công chức, viên chức và người lao động gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và việc thực hiện Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi (*thông qua việc ban hành Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức Văn phòng UBND tỉnh năm 2023; Thông báo kết luận các cuộc họp giao ban định kỳ của Văn phòng UBND tỉnh*). Thường xuyên kiểm tra về kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan, qua kiểm tra chưa có công chức, viên chức, người lao động nào của Văn phòng vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

5. Cải cách tài chính công

a) Ban hành Kế hoạch số 304/KH-VP ngày 21/02/2024 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

b) Thực hiện công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng (*Quyết định số 218/QĐ-VP ngày 22/12/2023*); giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (*Quyết định số 217/QĐ-VP ngày 20/12/2023*); phê duyệt dự toán mua sắm theo phương thức tập trung (*Quyết định số 43/QĐ-VP ngày 29/02/2024*); Báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công (*Công văn số 273/VP-HCQT ngày 07/02/2024*)...

c) Thực hiện hoàn thành việc mua sắm, sửa chữa và thanh toán kinh phí theo dự toán, kế hoạch năm 2023; triển khai các nội dung theo dự toán năm 2024, như: đăng ký mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản năm 2024; chi hoạt động trong dịp Tết dương lịch, Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024; các hoạt động trong năm của UBND tỉnh và Văn phòng....; đồng thời, triển khai đăng ký mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản năm 2025... .

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 352/KH-VP ngày 29/02/2024 về hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh. Đến nay, Văn phòng UBND đang tiến hành thực hiện nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh; xây dựng Hệ thống phần mềm phòng họp không giấy; cập nhật bản quyền phần mềm cho các thiết bị tường lửa tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh; kiểm tra đánh giá an toàn thông tin theo cấp độ 3 tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh.

- Đảm bảo kết nối ổn định trực liên thông văn bản điện tử của tỉnh và trực liên thông văn bản điện tử quốc gia trong việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số thông suốt; các phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tập trung, hệ thống Thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Thư điện tử công vụ hoạt động ổn định và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại Văn phòng. Triển khai thuê dịch vụ vận hành Cổng Thông tin điện tử; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông: Theo dõi, giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) tại Trung tâm Tích hợp Văn phòng.

- Hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính và Ban Tiếp công dân tỉnh.

b) Tình hình ứng dụng các phần mềm CNTT:

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh trong công tác chỉ đạo điều hành. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thử nghiệm Hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính. 100% công chức, viên chức được cấp thư điện tử công vụ tỉnh để trao đổi, giải quyết công việc trên môi trường mạng.

- Triển khai họp trực tuyến đến cấp xã, phường, thị trấn trên hệ thống trực tuyến của tỉnh thông qua đường truyền số liệu chuyên dùng.

- Triển khai mã QR code sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh chia sẻ tài liệu họp cho đơn vị.

- Phối hợp với VNPT tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm quản lý nhiệm vụ.

c) Trong năm 2024, ước cung cấp 9.100 tin, bài, video, ảnh lên Cổng TTĐT tỉnh. Trong đó, 730 video, 1.200 tin, 2.500 bài, và 4.670 ảnh. Đặc biệt, đã tạo các loại hình truyền thông đa phương tiện mới như: Longform, Inforgarphic

để tuyên truyền một số những nội dung lớn, quan trọng của tỉnh. Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Thực hiện rà soát cập nhật kịp thời các nội dung trên Cổng TTĐT tỉnh theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin; Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 15/08/2022 của Chính phủ góp phần nâng cao Chỉ số PCI; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Mở các chuyên mục: Góp ý Dự thảo Văn bản QPPL; Doanh nghiệp hỏi - Cơ quan chức năng trả lời; Hỏi - Đáp,... để người dân và doanh nghiệp phản ánh. Ngoài ra, các Kênh mạng xã hội của Cổng TTĐT đang phát huy hiệu quả tích cực, những thông tin sau khi cập nhật trên Cổng TTĐT tỉnh, được cập nhật, chia sẻ đồng thời lên Trang Fanpage, Youtube của Cổng. Bên cạnh đó, đã cập nhật kịp thời hơn 8.500 văn bản chỉ đạo, điều hành, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên Trang văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Thực hiện biên tập, rà soát, xuất bản khoảng 23 số Công báo điện tử.

- Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được đăng tải kịp thời, công khai trên Cổng TTĐT tỉnh; đồng thời, tạo đường link tới Cổng hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Ngãi.

- Duy trì, nâng cao chất lượng Chuyên mục Cải cách hành chính trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh thông qua việc thiết kế lại giao diện và tổ chức lại các mục tin hữu ích phục vụ người dân và doanh nghiệp như: Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị thủ tục hành chính; Công khai tiến độ, thủ tục giải quyết hồ sơ; Thủ tục hành chính tiếng nước ngoài... .

(Kèm theo Phụ lục Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại Văn phòng UBND tỉnh)

III. Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục triển khai thực hiện có chất lượng, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Văn phòng. Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đơn giản hóa chế độ báo cáo; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

2. Công tác thể chế

a) Tiếp tục rà soát, xây dựng và tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến các lĩnh vực do Văn phòng tham mưu thực hiện. Kiểm tra hồ sơ, nội dung, trình tự, thủ tục soạn thảo, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản, hồ sơ do các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Thực hiện rà soát, kiểm tra theo thẩm quyền và kiến nghị xử lý sau kiểm tra (nếu có) đối với các văn bản QPPL do Văn phòng tham mưu. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với các lĩnh vực do Văn phòng tham mưu, quản lý.

3. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC

a) Triển khai mạnh mẽ công tác số hóa tại 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo đúng chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030.

b) Tiếp tục rà soát, kiến nghị đơn giản hóa các TTHC nhằm cắt giảm các quy định, thủ tục rườm rà, phức tạp, tốn kém nhiều thời gian, chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện TTHC đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

c) Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06 trên địa bàn tỉnh trong đó chú trọng đến việc đảm bảo hạ tầng, kết nối, đồng bộ giữa các Hệ thống phần mềm tạo điều kiện cho việc cung cấp các dịch vụ công thiết yếu cho người dân được hiệu quả.

d) Thực hiện các nhiệm vụ được giao về triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia và chuẩn hóa, tích hợp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phát huy hiệu quả việc thực hiện thanh toán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện TTHC tại Trung tâm và Bộ phận Một cửa các cấp, duy trì thứ hạng cao trong cả nước.

đ) Duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hướng đến chuyên nghiệp, hiện đại, thân thiện; tổ chức triển khai mô hình Bộ phận Một cửa kiểu mẫu cấp xã để tạo ra những mô hình điểm tại địa phương.

4. Cải cách tổ chức bộ máy, chế độ công vụ

a) Tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, cán bộ tại cơ quan, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của công chức trong năm 2025 theo kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động.

b) Tăng cường và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh.

5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo nguồn kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm cho

cán bộ, công chức và người lao động. Tiếp tục củng cố, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đổi mới công tác lễ tân khánh tiết và hậu cần phục vụ hoạt động của UBND tỉnh.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt, đạt hiệu quả việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đẩy mạnh việc xây dựng Chính phủ điện tử đảm bảo đúng lộ trình của Chính phủ.

b) Xây dựng, ban hành và tập trung triển khai kế hoạch Chuyển đổi số của Văn phòng năm 2025. Triển khai các cuộc họp trên hệ thống phòng họp không giấy tại Văn phòng UBND tỉnh; cập nhật bản quyền cho các thiết bị tường lửa tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh. Vận hành hệ thống phòng họp không giấy và Công thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin thành phần tại Trung tâm tích hợp dữ liệu ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Theo dõi trực liên thông quốc gia và trực liên thông nội tỉnh đảm bảo việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số thông suốt và ổn định; tiếp tục triển khai hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- Tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả Công thông tin điện tử của tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân truy cập vào Cổng TTĐT tỉnh khai thác, sử dụng các thông tin. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

Đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Trang TTĐT Văn phòng;
- Lưu: VT, HCQT(b).

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quốc Việt

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

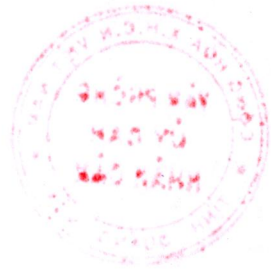
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024 CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số **3058** /BC-VP ngày **12/12/2024** của Văn phòng UBND tỉnh)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			VP UBND tỉnh tổng hợp
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	210	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	34	120 nhiệm vụ đã hoàn thành đang chờ Văn phòng Chính phủ xác nhận
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	VP UBND tỉnh tổng hợp (khảo sát sự hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm PV-KSTTHC)
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	42.000	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	



Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú VP UBND tỉnh tổng hợp
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	289	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	178	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2815	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	2147	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	467	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	201	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	271	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	116	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.95%	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	123,747	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	123,683	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.50%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	29,781	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú VP UBND tỉnh tổng hợp
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	29,632	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.20%	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	301,390	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	298,921	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	300	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	300	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp
		Đơn vị tính	Số liệu	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn tỉnh đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	734	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	734	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	83,1	
6.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	645	
6.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực	DVC	536	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>tuyển</i>			
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	90,4%	
6.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	175.326	
6.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	158.55	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	83%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần	Hồ sơ	316.232	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	262.144	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	545	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	545	